

Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

TS. LÊ ĐÌNH NĂM

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: namhvbctt1977@gmail.com

Nhận ngày 16 tháng 8 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 10 năm 2025.

Tóm tắt: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã tạo nên bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Thắng lợi ấy là kết quả của quá trình đấu tranh kiên cường, gian khổ và đầy khí phách của nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi đó gắn liền trực tiếp với công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ việc tìm đường, dẫn lối, tổ chức xây dựng lực lượng, chớp thời cơ tổng khởi nghĩa giành chính quyền, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ khóa: Chủ tịch Hồ Chí Minh; Cách mạng Tháng Tám.

Abstract: The victory of the August Revolution in 1945, marked by the establishment of the Democratic Republic of Vietnam, created a monumental turning point in the nation's history. This triumph was the result of the Vietnamese people's resilient, courageous, and determined struggle under the wise leadership of the Communist Party and President Hồ Chí Minh. The Revolution's success is directly associated with President Hồ Chí Minh's tremendous contributions from finding the revolutionary path, guiding the people, and organizing revolutionary forces, to seizing the right moment for the general uprising to win power and founding the Democratic Republic of Vietnam.

Keywords: President Hồ Chí Minh; August Revolution.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến sâu sắc, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam. Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945) đang bước vào giai đoạn kết thúc. Từ năm 1943, phe Phát xít bắt đầu thất bại trên các mặt trận. Tháng 5/1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh; đến ngày 15/8/1945, phát xít Nhật cũng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc đã làm cho hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc châu Âu lung lay, mở ra thời cơ cho các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nơi, đặc biệt tại châu Á và châu Phi. Đất nước ta chịu ách thống trị của thực dân Pháp hơn 80 năm và sau đó là sự thống trị một cổ 2 tròng của Pháp - Nhật, đời sống nhân dân cực kỳ khổ cực, đỉnh điểm là nạn đói lớn năm 1945 khiến hơn 2 triệu người chết. Mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp càng trở nên gay gắt. Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

chủ động chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, chuẩn bị lực lượng và chớp đúng thời cơ phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước. Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945 gắn liền trực tiếp với công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, tìm thấy con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta, biến nước ta từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Tính chất xã hội Việt Nam thay đổi sâu sắc, mâu thuẫn gay gắt giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Các phong trào đấu tranh theo các khuynh hướng tư tưởng phong kiến và dân chủ tư sản đều thất bại, Người sớm nhận thấy rằng muốn cứu nước, cứu dân cần phải có

một con đường mới. Ngày 05/6/1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Cuộc hành trình khảo sát thế giới qua các nước tư bản và thuộc địa đưa Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đến nhiều nước thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ... Những chuyến đi đã tạo điều kiện để Người quan sát và thấu hiểu sâu sắc bản chất của chủ nghĩa tư bản. Đồng thời, đây cũng là quá trình Người trau dồi tri thức, nghiên cứu lý luận, kiểm nghiệm lý luận qua thực tiễn và trực tiếp tham gia vào một số tổ chức chính trị - xã hội.

Quá trình đó, Nguyễn Ái Quốc đã khái quát nên chân lý, tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc; chân lý duy nhất đúng đắn cho dân tộc Việt Nam: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"⁽¹⁾. "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"⁽²⁾. Từ bản Luận cương của V.I. Lênin và thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, Người xác định được phương hướng và đường lối cho phong trào giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt Nam. Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, đồng thời chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chính thức khẳng định vai trò lãnh đạo đối với cách mạng nước ta. Tại Hội nghị thành lập Đảng, các văn kiện gồm Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng đã được thông qua, trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng, Đảng đã khẳng định phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam: "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"⁽³⁾. Định hướng này vừa phù hợp với quy luật vận động của thời đại, vừa đáp ứng yêu cầu khách quan, cấp thiết của cách mạng Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với điều kiện cụ thể của Việt Nam, đưa cách mạng nước ta đi theo con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - con đường đúng đắn, phù hợp với yêu cầu lịch sử, lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, nguyện vọng của nhân dân ta và xu thế phát triển của thời đại. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín, đạo đức cách mạng cùng tinh thần chủ

động và sáng tạo của Người.

Thứ hai, tổ chức, xây dựng lực lượng cách mạng. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. V.I. Lênin viết: "Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiền phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được"⁽⁴⁾.

Kế thừa tư tưởng của các nhà lý luận tiền bối, Người nhấn mạnh: "Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người"⁽⁵⁾. Người lý giải rằng, dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Trong Sách lược vắn tắt của Đảng chỉ rõ Đảng cần thu phục đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đa số dân cày, dựa vào dân cày nghèo để tiến hành thổ địa cách mạng; đồng thời liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông "nhằm lôi kéo họ về phía giai cấp vô sản; còn đối với phú nông, trung và tiểu địa chủ, cũng như tư sản Việt Nam chưa bộc lộ rõ lập trường phản cách mạng thì cần lợi dụng, ít nhất cũng khiến họ ở thế trung lập. Trong tư tưởng của Người và quan điểm của Đảng, lực lượng cách mạng không phân biệt giai tầng, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, giàu nghèo, ai có tinh thần yêu nước thì phải đoàn kết.

Trong giai đoạn 1930 - 1941, mặc dù chịu sự đàn áp khốc liệt của thực dân Pháp, Đảng vẫn không ngừng phát triển lực lượng, xây dựng cơ sở bí mật và gây dựng phong trào quần chúng. Tháng 6/1931, tại Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền thực dân Anh bắt giam và đến đầu năm 1933 mới được trả tự do. Từ năm 1934 đến 1938, Người theo học và nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa ở Matxcova. Người tiếp tục theo dõi, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước. Tháng 10/1938, Người rời Liên Xô, qua Trung Quốc để trở về nước, bắt liên lạc với tổ chức Đảng, mở các lớp huấn luyện chính trị, chuẩn bị đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Trong các tài liệu huấn luyện, Người khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc là sự nghiệp chung của các dân tộc và các giai cấp bị áp bức ở Đông Dương; toàn thể nhân dân, không phân biệt dân tộc hay giai cấp, phải đồng tâm đoàn kết mới có thể giành thắng lợi.

Ngày 28/01/1941, Người về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8

(5/1941), trên cơ sở đánh giá tình hình thế giới và trong nước trong hoàn cảnh chiến tranh thế giới đang diễn ra ác liệt, với quan điểm lý luận gắn với thực tiễn cách mạng. Hội nghị khẳng định: □Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được^[9]. Xác định nhiệm vụ cách mạng ở Đông Dương lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc, nhiệm vụ dân tộc là trên hết. Tại Hội nghị này, Đảng chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước, nên từng nước sẽ thành lập Chính phủ riêng.

Nguyễn Ái Quốc và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh, vào ngày 19/5/1941. Tháng 10/1941, Chương trình của Mặt trận Việt Minh được công bố và nhanh chóng lan truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân yêu nước. Nội dung chương trình gồm 10 chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, hướng tới hai mục tiêu lớn: Giải phóng lập hoàn toàn cho đất nước và đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam. Chương trình, Điều lệ của Mặt trận Việt Minh đã nhanh chóng đi sâu vào các tầng lớp nhân dân vì nó đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo và chỉ dẫn trực tiếp của Người, phong trào Việt Minh đã lan sâu vào từng thôn xóm, bản làng, từng bước bám rễ vững chắc và phát triển mạnh mẽ trong quần chúng các dân tộc ở tỉnh Cao Bằng. Ngày 6/6/1941, trong thư Kính cáo đồng bào, Người viết: □Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng. Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kè vai gánh vác một phần trách nhiệm: Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề^[7].

Thực hiện chủ trương của Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) là thành lập lực lượng vũ trang toàn quốc bằng nhiều hình thức trong đó có việc mở rộng và củng cố các tổ chức cứu quốc sẵn có làm cho các đoàn thể có một tinh thần hy sinh tranh đấu, sẵn sàng gây cuộc khởi nghĩa. Ngày 22/12/1944, Người đã chỉ thị thành lập Đội

Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam ngày nay. Đây là lực lượng nòng cốt cho khởi nghĩa vũ trang. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng yêu nước và tinh thần cách mạng thông qua báo chí, truyền đơn, huấn luyện cán bộ.

Với tầm nhìn chiến lược và sự chuẩn bị chu đáo, Hồ Chí Minh đã tổ chức, xây dựng được một lực lượng cách mạng toàn dân, toàn diện, sẵn sàng hành động. Chính sự chuẩn bị này đã góp phần quyết định vào thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945 - sự kiện đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thứ ba, xây dựng căn cứ địa cách mạng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho cách mạng. Sau hành trình 30 năm tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc và chọn hang Cốc Bó - một hang núi kín đáo thuộc thôn Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, Cao Bằng, sát biên giới Việt - Trung làm nơi đứng chân đầu tiên. Từ ngày 8/2/1941, Người bắt đầu sống và làm việc tại đây. Từ Pác Bó, Người trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng ở Cao Bằng, nhanh chóng xây dựng nhiều tổ chức cứu quốc tại các địa phương trong tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền, cổ vũ thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941); vận động nhân dân tham gia các hội cứu quốc thuộc Mặt trận Việt Minh; tích cực củng cố và mở rộng căn cứ địa cách mạng, đồng thời quyết định xuất bản báo Việt Nam độc lập (gọi tắt là Việt lập). Việt Nam độc lập lúc đầu là cơ quan tuyên truyền của tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Cao Bằng. Những bài viết của Người trên báo Việt Nam độc lập luôn ngắn gọn, giản dị, giàu sức truyền cảm, phù hợp với trình độ của cán bộ và quần chúng cách mạng các dân tộc miền núi, nhờ đó phát huy hiệu quả tuyên truyền và giáo dục hết sức to lớn.

Trước tình hình mới, để kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng đang dâng cao trên cả nước, đầu tháng 5/1945, Hồ Chí Minh quyết định chuyển □đại bản doanh□ từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang) - nơi có phong trào quần chúng vững mạnh, chính quyền cách mạng đã hình thành, lại thuận tiện cho việc liên lạc giữa miền ngược, miền xuôi và với quốc tế. Người xác định vùng giải phóng lúc đó bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên cùng một phần các tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên; các địa bàn

liền mạch, tạo thành một khu căn cứ cách mạng rộng lớn, gọi là Khu giải phóng. Thực hiện chỉ thị của Người, ngày 4/6/1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Hội nghị cán bộ, chính thức tuyên bố thành lập Khu giải phóng, xây dựng nơi đây thành căn cứ địa vững chắc toàn diện, làm bàn đạp cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Với sự hình thành Khu giải phóng, trên đất nước dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp hơn 80 năm qua, đã xuất hiện một vùng đất trời tự do, chan hòa ánh sáng của một chế độ xã hội mới: Chế độ nhân dân làm chủ vận mệnh của mình. Dưới sự chỉ đạo của các Ủy ban nhân dân, do nhân dân bầu ra, hơn một triệu đồng bào thuộc nhiều dân tộc khác nhau đã bắt tay vào xây dựng một cuộc sống mới về mọi mặt: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Khu giải phóng, cùng với mạng lưới các chiến khu, đã trở thành hình ảnh thu nhỏ của một nước Việt Nam mới, có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với nhân dân cả nước. Đây chính là hậu phương vững chắc và bàn đạp quan trọng, tạo thế cho cuộc tổng khởi nghĩa sau này.

Ngay từ khi xác định được con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đặc biệt coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng, hội đủ phẩm chất và năng lực để lãnh đạo quần chúng tiến hành cách mạng. Sự quan tâm của Người đã được thể hiện trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941). Việc đào tạo cán bộ nay đã thành công tác gấp rút, không thể bỏ qua một giờ phút. Tất cả các cấp bộ chỉ huy của Đảng phải đặc biệt chú ý công tác này⁽⁸⁾.

Ở Pác Bó, Người đã biên soạn và dịch một số tài liệu về chính trị và quân sự để dùng vào công việc huấn luyện. Giữa năm 1941, Nguyễn Ái Quốc mở những lớp huấn luyện ngắn ngày (có lớp chỉ 5 ngày đến 1 tuần lễ), nội dung tập trung vào 3 điểm: Tình hình thế giới và trong nước; Chủ trương chính sách mới của Đảng và Chương trình, Điều lệ Việt Minh; Phương pháp công tác... Các vấn đề trừu tượng, khó hiểu, luôn được Người trình bày một cách giản dị, gần gũi, kèm theo những so sánh quen thuộc như lời ăn tiếng nói của nhân dân lao động. Người luôn gắn lý luận với thực tiễn, học tới đâu thực hành tới đó. Sau mỗi bài giảng, mỗi lớp học, Người thường hỏi: Học xong về địa phương làm gì? Bước một thế nào? Bước hai thế nào?... Người trực tiếp kiểm tra kết quả học tập bằng cách hóa thân thành quần chúng để học viên thực hành tuyên truyền, vận động theo những kiến thức đã tiếp thu. Nội dung huấn luyện được

Người thiết kế một cách hợp lý, tiến dần từ dễ đến khó, từ những nhiệm vụ trước mắt đến mục tiêu cao cả lâu dài. Bài giảng của Người vừa giản dị, dễ hiểu để người ít học cũng nắm được, vừa hàm súc, sâu sắc khiến người có trình độ cao cũng cảm thấy bổ ích. Công tác giáo dục và bồi dưỡng cán bộ không chỉ diễn ra trên lớp mà còn được Người thực hiện trong công việc hằng ngày và trong đời sống, bằng tấm gương sáng và tình thương yêu bao la.

Những cán bộ được Nguyễn Ái Quốc trực tiếp huấn luyện hoặc có thời gian làm việc gần gũi với Người đều trưởng thành nhanh chóng về nhận thức chính trị, năng lực và trình độ công tác, cũng như về phẩm chất đạo đức cách mạng. Chính họ là những người truyền đạt đường lối, chính sách của Đảng và tư tưởng, đạo đức của Người tới quần chúng ở khắp các địa phương, từ miền núi đến đồng bằng, từ thành thị đến nông thôn; đồng thời tổ chức, giáo dục và dẫn dắt quần chúng từng bước đấu tranh, từ những hình thức thấp đến cao, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Chủ trương xây dựng căn cứ địa và đào tạo cán bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến lược lâu dài, toàn diện đặt nền tảng vững chắc cho sự thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945. Căn cứ địa không chỉ là nơi nuôi dưỡng lực lượng cách mạng mà còn là trung tâm đầu não chỉ đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc.

Thứ tư, trực tiếp lãnh đạo, chớp thời cơ, khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật đảo chính hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối với những thắng lợi của Liên Xô và các nước Đồng minh. Sau cuộc đảo chính Pháp của Nhật ngày 09/3/1945, cuộc chạy đua giữa lực lượng cách mạng Việt Nam với các lực lượng Đồng minh và thực dân Pháp nhằm tranh thủ thời cơ giành và xác lập quyền lực ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam, trở nên ngày càng gay gắt. Đặc biệt, trước và sau Hội nghị Potsdam - khi việc phân định rõ ràng khu vực hành quân và tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật tại Việt Nam được xác lập - cuộc cạnh tranh này đã bước vào giai đoạn nước rút.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp quyết định mở Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào trong các ngày 13, 14 và 15/8. Trong khi Hội nghị đang họp thì nhận được tin Nhật chính thức tuyên bố đầu hàng Đồng minh, Người đề nghị Hội

nghey nên mau chóng kết thúc để các đại biểu trở về ngay địa phương, nắm lấy chủ trương của Đảng, kịp thời phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Người viết Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa: "Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"⁽¹⁾.

Hội nghị toàn quốc của Đảng đã ra quyết định Tổng khởi nghĩa. Trong hai ngày 16 và 17/8/1945, Quốc dân Đại hội diễn ra dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, thể hiện khí thế đoàn kết toàn dân. Đại hội đã nhất trí thông qua chủ trương Tổng khởi nghĩa, bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, đồng thời xác định Quốc kỳ và Quốc ca của nước Việt Nam mới. Từ đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa. Hưởng ứng lời kêu gọi ấy, toàn dân nhất loạt vùng lên, nắm thời cơ, tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước.

Trong quãng thời gian ngắn ngủi ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chớp lấy thời cơ, tiến hành Tổng khởi nghĩa và giành thắng lợi vang dội: ngày 19/8/1945 giành chính quyền ở Hà Nội, tiếp đó là Huế ngày 23/8 và Sài Gòn ngày 25/8. Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu ra đời ngày 28/8/1945.

Thứ năm, tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Bản Tuyên ngôn độc lập được Người viết và hoàn thành trong một thời gian rất ngắn. Tuyên ngôn độc lập - một áng văn chính luận hiện đại với lập luận sắc bén và những dẫn chứng hùng hồn, không thể bác bỏ, có sức thuyết phục mạnh mẽ, là kết tinh của cả quá trình trăn trở, suy tư trong hành trình tìm đường cứu nước qua nhiều quốc gia của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời là thành quả từ thực tiễn lãnh đạo sáng suốt đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi. Văn kiện này phản ánh sự sáng suốt, nhạy bén, tầm nhìn chiến lược sâu rộng và khả năng dự báo thiên tài của Người; là sản phẩm của trí tuệ lớn, tấm lòng tận tụy với dân tộc và nhân dân, cùng bao suy nghĩ, day dứt và khát vọng độc lập, tự do cho đất nước.

Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 là một trong những sự kiện trọng đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Bởi vì, chính với bản Tuyên ngôn đó, nước Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa đã được khai sinh, khẳng định thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám. Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao hy sinh xương máu của đồng bào và những người con anh dũng của Việt Nam. Bản Tuyên ngôn độc lập được hình thành từ bản Yêu sách tám điểm năm 1919, Chương trình Việt Minh năm 1941 cùng những tuyên ngôn của các bậc tiền bối. Đây là kết quả hội tụ niềm tin, nỗ lực và khát vọng của hơn hai mươi triệu người dân Việt Nam. Tuyên ngôn độc lập kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử, mà đỉnh cao là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc; đồng thời thể hiện trí tuệ, bản lĩnh văn hóa Việt Nam cùng khát vọng cháy bỏng giành độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Với tinh thần đó, Tuyên ngôn độc lập, thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám, xứng đáng là văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa lịch sử to lớn và giá trị thời đại sâu sắc.

Những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam nói chung, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám nói riêng, chúng ta càng thấy rõ tầm vóc và ảnh hưởng to lớn của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam vô cùng tự hào và biết ơn vị lãnh tụ suốt đời hy sinh, cống hiến vì nền độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân và để lại cho các thế hệ mai sau một di sản tinh thần vô cùng to lớn và quý báu, đó là tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mà ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang ra sức học tập và làm theo. Con đường đưa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến thắng lợi là con đường cách mạng vô sản, với mục tiêu độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định. Đây là con đường cách mạng triệt để, mang lại thành quả to lớn là giải phóng dân tộc, giải phóng con người khỏi áp bức, bất công, hướng tới xây dựng một xã hội tự do, hạnh phúc, công bằng và văn minh./.

(1), (5), (7) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.2, tr. 289, 283, 230.

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.12, tr.30.

(3), (9). Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.3, tr.1, 596.

(4) V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Maxcova, T.39, tr. 251.

(6), (8) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, T.7, tr. 113, 113.